

TUYỂN TẬP LÝ ĐÔNG A

MỞ QUYỀN

Học Hội Thăng Nghĩa – 2016

Việt Duy Dân Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho

MỞ QUYỂN

Chương 1

DẪN NHẬP

Trong cảnh vô cùng nguy nan của nước nòi Việt,
Trong khi tất cả các đảng phái đều lệch phương hướng,
Trong khi thế giới đi vào bế tắc mà một cuộc tàn sát sẽ làm điêu linh dân
tộc Việt,

Trong khi tất cả các lý thuyết trên thế giới đã cáo chung, thì DUY DÂN ra
đời.

DUY DÂN ra đời là cả một quá trình lịch sử 5.000 năm của nòi giống kết
tinh.

DUY DÂN ra đời để:

- 1- Ổn định nhân đạo cho nhân loại,
- 2- Giác ngộ toàn thể nhân loại,
- 3- Cứu vớt nòi giống Việt,
- 4- Phục hưng lại nòi giống Việt đã điêu linh,
- 5- Lập một nền văn hoá cho nước Việt,
- 6- Lập một sinh mệnh thể hệ cho nòi Việt.
- 7- Cứu vớt tất cả những nòi giống nhỏ yếu khác.

DUY DÂN chủ nghĩa là chỉ đạo duy nhất cho loài người *kiến thiết Người để cứu vớt Người*.

Thế giới hiện đương còn điêu linh, chứng tỏ sự thất bại của những luồng tư tưởng loài người trong công cuộc kiến thiết con người. Những dân tộc Á Đông đang chìm đắm trong giấc ngủ triền miên, thức tỉnh dậy bởi máy móc Âu Tây, đã có lúc lầm tưởng máy móc là chúa tể. Nhưng rồi họ giác ngộ. Phục Hi xưa kia nói: "Cơ giới sinh cơ tâm. Ta chưa thể dạy dân máy móc, vì trình độ dân còn thấp kém." Sau những cuộc chiến tranh tàn sát, mục kích những cảnh xương khô máu chảy, người ta mới cảm thấy câu nói sâu xa của Phục Hi là có giá trị.

Hiện nay, tuy những đạo giáo có giáo hóa dân, nhưng hoặc quá thiên về phương tiện, nên chỉ dạy người làm lành lánh ác, đừng mắc tội, hơn là cứu vớt người, hoặc yếm thế chỉ mê man vào trong công việc hàng ngày: cầu kinh, cầu kệ, bùa chú... cho nên không giác ngộ được người đương thời.

Hoặc giả có một vài vị sa môn đạt tới chỗ giác ngộ thì người lại ẩn mình trên non xanh nước biếc, cho nên loài người chìm đắm trong vật chất, nên bị tàn phá tan tành.

Những chủ nghĩa đó không kiến thiết nổi con người. Bởi vì:

1. Mỗi chủ nghĩa đi tìm một đối tượng thiên lệch, thiếu sót, rồi căn cứ vào đấy mà kiến thiết con người, thành ra không đúng với Nhân Tính.

2. Mỗi chủ nghĩa phát sinh để phản đối một cảnh xã hội đồi bại, cho nên từ một thiên lệch này bước qua một thiên lệch khác quá khích hơn.

3. Mỗi chủ nghĩa đã có một mục đích kiến thiết con người, đều có những phát kiến hay, nhưng những điều hay chỉ là vá vúi, không nhất quán cho nên không kiến thiết nổi con người toàn thể.

4. Mỗi chủ nghĩa phát sinh ở một thời kỳ ấu trĩ của con người, nên đã cố gắng những phương án thích ứng vào từng phương diện của con người mà không thể hiện được toàn bộ.

Có những chủ nghĩa áp dụng luật tắc tự nhiên, nên không thích hợp với loài người.

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY DÂN

Ta đã thấy tất cả các chủ nghĩa, các nền chính trị đều sai lạc, không đủ để kiến thiết con người. Vì những thất bại đó mà con người mất thăng bằng, do đó manh nha ra chiến tranh. Chiến tranh sắp tới sẽ là cuộc chiến tranh tàn sát con người, hủy diệt mọi nền văn minh của thế giới một cách khốc liệt nhất từ xưa tới nay. Cùng với những kiến trúc các chủ nghĩa thiên lệch ấy, tất cả các tư tưởng cũ sẽ cáo chung.

Thế giới đang đòi hỏi những tư tưởng mới, một phương hướng mới và những phương án kiến thiết con người mới mẻ hơn. Lần này nhân loại không còn thể rụt rè, sẽ tàn phá triệt để, để cho sự kiến thiết cũng sẽ triệt để.

Do những nhu cầu đó mà DUY DÂN phát sinh.

Kể từ ngày nhân loại lập thành đến nay, trải qua hàng triệu năm, nhân loại đã đau khổ nhiều mà rốt cuộc nhân loại mới chỉ phát minh được mầm sống Nhân Đạo. Mầm rễ Nhân Đạo đó càng ngày càng phát triển, để đến ngày nay một cuộc tung hợp hùng vĩ sẽ ổn định hẳn cho Nhân Đạo muôn thuở. Bằng Duy Dân Chủ Nghĩa, Nhân Đạo sẽ được ổn định. Cho nên từ nay chúng ta hy vọng nhân loại sẽ vinh quang, chiến tranh không còn tàn sát những công trình vĩ đại của loài người nữa.

Chúng ta đã thấy, sở dĩ các chủ nghĩa không kiến thiết nổi con người vì quá thiên lệch về một phạm trù tư tưởng. Sự thật con người đâu phải thuần Tâm, thuần Vật, hay thuần Sinh. Con người là tất cả Tâm, Vật, lẫn Sinh. Con người do cực chất vô trình diễn, vô trình thức, vô cùng cứu cánh, vô cùng duyên khởi mà phát sinh, thì ngày nay muốn kiến thiết con người phải dùng ngay đối tượng là Người. Người đi tìm đạo cho Người.

Người đã là một đối tượng kiến thiết, thì một sự tổng hợp Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh là cần thiết. Nhiều triết gia đã nói đến sự tổng hợp đó, nhưng vì không tìm thấy những luật tắc căn bản cho nên sự tổng hợp chỉ ở bình diện, không có nền tảng chắc chắn.

Trở lại lịch trình tiến hoá của nhân loại, từ khởi thủy, khi còn ăn lông ở lỗ, chưa có tiếng nói, chưa có chữ viết thì ta thấy con người cũng như đứa trẻ, chẳng phải, chẳng trái. Sở dĩ con người phân biệt phải trái là sau này do tinh thần tích lũy, tập quán ảnh hưởng xung quanh. Muốn hiểu biết cái lương tri của con người thay đổi như thế nào, ta chỉ dẫn một thí dụ về ông Socrate: Người đời xưa nhìn nhận tư tưởng của ông là bậy, kết tội ông phải uống thuốc độc tự tử. Người đời nay lại tôn ông là thánh. Vậy thì lương tri, lẽ phải do con

người tự định lấy rồi tập trung di truyền mà thành chứ không do một sức mặc khải nào cả.

A. XÃ HỘI TỰ TÍNH

Con người vô tri ăn lông ở lỗ ấy, trông lên trời chỉ thấy bao la nhật nguyệt, tinh tú theo tuần tiết mà cùng tới. Trong vũ trụ thì sấm sét, gió mưa, cái gì cũng là sức mạnh có thể giết chết con người được. Chung quanh mình thì những cảnh tượng tương tự, cái cây, con vật, cái gì cũng to, cũng có thể làm hại con người được. Con người lại cần ăn uống mới sống, trời lạnh thì thấy rét, trời nắng thì thấy nóng, cần phải lấy lá che thân. Con người còn thấy bị lôi cuốn bởi giống đực, giống cái, thấy cần phải lẫn lộn để sinh con đẻ cái.

Do ba tính đó: cần phải tự bảo vệ chống đối với thiên nhiên, cần phải ăn mặc, cần phải có vợ chồng mà con người hợp nhau thành xã hội. Trung tâm Nhân Loại thành hình mà Học Thuyết Bản Vị của DUY DÂN cũng được chứng minh ở đây.

Vậy cái xã hội loài người được cấu tạo thành là để ở với nhau cho yên vui, tức là Hoà; để hưởng thụ cho đều, tức là Bình; để vợ chồng riêng biệt, tức là Trinh. Xã hội ấy, DUY DÂN gọi là XÃ HỘI TỰ TÍNH, và sở dĩ có xã hội là để đạt đến ba mục tiêu ấy. Xã hội loài người muôn thuở, dù phức tạp như ngày nay, hay thô sơ như lúc nhân loại bắt đầu xuất phát, cũng là để đạt ba mục tiêu đó.

Vậy ba mục tiêu đó cũng là Nhân Đạo của con người.

Xã Hội Tự Tính không phải là xã hội Cộng sản Nguyên thủy hãy còn tranh chấp, cướp bóc lẫn nhau, chưa có nhân vi¹, thì có thể gọi là xã hội sao được. Cái lầm lẫn chí tử của Grothius², Rousseau³ và Marx là ở chỗ đó.

Sau này vì lòng dục vọng, cho nên con người càng ngày càng xa rời Xã Hội Tự Tính, cho nên Nhân Quyền mất, mà tư bản chênh lệch, trai gái loạn dâm.

Nạn mãi dâm ê chề lan tràn khắp nhân loại làm cho xã hội loài người thành ra xã hội cầm thú. Cái ý nghĩa xã hội, cái lý do thành lập xã hội không

¹ Nhân vi: Do sức người làm. Đào Duy Anh, 2005. Hán Việt từ điển. Nxb. Văn hóa Thông tin. Tr. 534. (HVL)

² Hugo Grotius (1583-1645): Nhà văn Đức chuyên viết về luật công pháp quốc tế. (ĐNHX)

³ Jean Jacques Rousseau (1712-1778): Triết gia Pháp chuyên viết về giáo dục và chính quyền, cũng rất nổi tiếng với loại châm biếm các vấn đề xã hội. (ĐNHX)

còn nữa, con người trở lại cầm thú chỉ tranh chấp cướp bóc giết hại lẫn nhau, áp dụng luật tắc ưu thắng, liệt bại, làm cho nhân loại đầm máu mà không tăng tiến được.

DUY DÂN ra đời lúc này để cứu vớt loài người, để kiến thiết cho loài người một xã hội thái hoà. Loài người vẫn duy trì được máy móc kỹ nghệ hiện tại lợi lạc cho con người, mà vẫn giữ được xã hội trong Xã Hội Tự Tính, nghĩa là cải tạo được con người cho TRINH, BÌNH, HOÀ, nghĩa là phế bỏ hết tất cả những đồi bại hiện tại để xây dựng con người tương lai, con người nhân từ, tự mình điều khiển lấy mình trong nhân đạo. Thôi từ nay hết đè nén và bất bằng.

Nền Dân Chủ DUY DÂN ra đời để chấm dứt những độc tài đầm máu, để hoà hiệp tất cả những khuynh hướng kiến thiết, để kiến thiết một con người tự do, bình đẳng, nhân ái. Những ai đã vì nhân loại mà đau khổ, hãy tìm DUY DÂN mà phụng sự, vì phụng sự DUY DÂN là phụng sự Nhân loại.

B. Ý NGHĨA DUY DÂN

Hai chữ DUY DÂN cũng là biểu hiện tính chất của triết học mới. Đầu tiên chữ đó xuất hiện trong sách Mạnh Tử⁴ với quan niệm "Dân vi quý". Nhưng đó chỉ là quan niệm tương đồng với quan niệm của Tuân Tử⁵. Chữ DUY DÂN của chúng ta mạnh nha từ cụ Phan Bội Châu. Cụ đã nói: "Dân chẳng Duy Tâm,

⁴ Mạnh Tử (372-289 trước CN): Ông là một nhà tư tưởng lớn thời chiến Quốc Trung Hoa. Ông đề xướng thuyết Vương Đạo và Nhân Chính, từng chu du nhiều nước như Tề, Lương... để thuyết phục các vương hầu thời đó. Ông mạnh dạn nêu ra tư tưởng "Dân vi quý, Quân vi khinh" (Dân mới đáng coi là quý trọng nhất, còn vua chỉ nên xem nhẹ). Muốn thống nhất thiên hạ phải làm sao cho đời sống người dân được yên ổn (Bảo dân chi vương), phải học theo chính sự của tiên vương (Chế tiên vương di sản, pháp tiên vương chi chính), đừng bắt dân lao nhọc phục vụ vương triều mà nên giảm nhẹ thuế má, quy định tài sản, phân chia ruộng đất cho dân (tỉnh điền)... (ĐNHX)

⁵ Tuân Tử (313-238 trước CN): Ông chủ trương Pháp Trị xây dựng nhà nước trung ương tập quyền (thiên hạ vi nhất), coi trọng lễ. Ông nêu ra "Nhân định thẳng thiên" nhấn mạnh việc chế ngự mệnh trời để lợi dụng mệnh trời (Chế thiên mệnh nhi dụng chi). Ông kế thừa và phát huy tư tưởng "đức trị và nhân chính" của Mạnh Tử nên chủ trương chính sách công bằng yên dân (Bình chính ái dân). Về Trí và Hành cho rằng biết không bằng làm, làm cao hơn biết, nhấn mạnh đến điều hòa lễ nghi và pháp độ.

Có thể nói rằng ngay từ thời chiến Quốc (thế kỷ thứ hai trước CN) Mạnh Tử là người đề xướng, còn Tuân Tử kế thừa và phát triển tư tưởng Dân Quyền và Nhân Quyền. (ĐNHX)

chẳng Duy Vật, Dân chỉ Duy Dân” (dân chỉ vì dân)⁶. Mà xét ra, tất cả nền móng kiến thiết con người là cũng chỉ để kiến thiết cho người dân. Vì thế, có 3 thành phần triết học:

1. Duy Nhiên Thành Phần

Tra cứu những luật tắc tự nhiên, phần này là Hình Nhi Thượng, giải quyết những vấn đề cứu cánh nguyên thủy. Sự khám phá ra cực chất sẽ có khoa học chứng minh là một bước tiến của nhân loại. Do sự khám phá này mà bản chất Vô Nguyên được chứng minh để tư tưởng khỏi sa vào la vọng Tâm, Vật hay Sinh, cũng như tư tưởng không còn bị nghẽn ở chỗ bất khả luận.

Tìm được bản chất, DUY DÂN còn suy diễn được tất cả các luật tự nhiên để mà bình trị tự nhiên, làm lợi lạc cho loài người. Luật tự nhiên được khám phá rồi, DUY DÂN còn mang áp dụng vào nhân loại theo Nhân Loại Tính, vì sống chung trong khung cảnh tự nhiên; cho nên DUY DÂN phân giới hạn của Duy Nhiên Vô Nguyên với Duy Nhân Nhất Nguyên. Chủ trương đó của DUY DÂN rất sáng suốt đầy đủ.

2. Duy Nhân Thành Phần

Những luật tắc tự nhiên áp dụng vào loài người phải thay đổi. Toàn thể loài người là một đặc thù, không phải tự “khí” mà ra. Nếu tự “khí” mà ra, mà cấu thành, thì tại sao quá trình biến từ khí thành ra người lại bị gián đoạn từ muôn đời? Từ ngày có lịch sử, nhân loại chưa được chứng kiến một cuộc biến hình nào từ người ra khí hay khí ra người.

Con người dù da trắng, da đỏ, vàng đen, đều nhất quán là người, cùng một tính, tình, chí. Mà tất cả loài người ở suốt trên hoàn vũ chỉ hướng về Chân, Thiện, Mỹ. Quan niệm đầu tiên về Chân, Thiện, Mỹ là Trinh, Bình, Hoà.

Cho nên nói: Nhân loại là Nhất Nguyên, mà chân lý muôn đời của loài người là TRINH, BÌNH, HOÀ. Sự tìm ra chân lý, đặt định chân lý lên, bằng cái tinh hoa của DUY DÂN vì nhờ đó mà loài người có một chỉ đạo sáng suốt, thực tế và dễ dàng. Mà từ nay nhân loại không còn băn khoăn đi tìm chân lý.

3. Duy Dân Thành Phần

Tuy Người là một nhất quán, nhưng tùy theo chủng tộc, tập quán, trung tâm sống còn mà thay hình đổi dạng. Khả năng của con người cũng được biến đổi mà phát triển về đủ mọi mặt, theo đủ mọi hình thức. Cùng là con người, cùng cấu tạo văn minh mà văn minh Ấn có đặc sắc khác văn minh Tàu.

⁶ Tương truyền, cụ Phan Bội Châu phát biểu câu này khi đại diện của Đệ Tam Quốc tế Cộng sản tìm gặp và dụ vào tổ chức, nhưng cụ đã từ chối. Chuyện xảy ra vào những năm đầu của thập niên 20, thế kỷ XX. (HVL)

Đặc điểm của loài người trên Nhất Tính Nhân Loại, kiến thiết được những thể thức phức tạp, cũng như cùng cực chất mà biến hoá vô trình diễn, vô trình thức ra vạn vật, nên người bị thiên nhiên chi phối. Đến loài người, lại chia ra làm nhiều DÂN TỘC.

Cho nên, bản tính của loài người, chân lý chỉ là một, khi phát hiện vào mỗi dân tộc, thì mỗi dân tộc đều khác biệt. Tinh thần riêng biệt của các dân tộc cần phải được tôn trọng để giữ cho loài người phong phú về tư tưởng và tâm hồn. Ta không thể có một Cộng sản Quốc tế, ta không thể đúc kết cả loài người vào một khuôn. Vì thế mà chủ nghĩa quốc tế như đế quốc Cộng sản đều phi dân tộc và phi nhân loại.

Duy Dân đã định được sự liên hệ giữa Thiên Nhiên và Loài Người, lại còn định được sự liên lạc giữa Loài Người và các Dân Tộc. Cho nên Duy Nhân phải được phát triển trên tầng Duy Dân. Duy Dân là cơ sở phát triển đặc biệt của các Dân Tộc. Sự phát triển ấy phải được tự do, bình đẳng cho một chính sách Nhân Văn Phục Hoạt, cũng như chính sách ĐỒNG NHÂN của Duy Dân bảo chứng được Nhân loại tính và Dân tộc tính của toàn thể.

Để lấy một thí dụ dễ hiểu, ta có thể lấy một Luật Mâu Thuẫn của Marx. Luật Mâu Thuẫn là luật thiên nhiên. Luôn luôn trong trời đất diễn tiến một mâu thuẫn, nhà Nho gọi là Âm Dương, nhưng đi vào loài người thì âm dương kết hợp. Ví dụ như đàn ông, đàn bà là âm dương mâu thuẫn, nhưng lại phải chung sống thì mới có nhân loại. Cho nên, Duy Nhiên là mâu thuẫn, với Duy Nhân là kết hợp, sang đến Duy Dân thì lại mâu thuẫn, để trở lại Duy Nhân là kết hợp. Các con người là mâu thuẫn (con trai, con gái) nhưng lại phải kết hợp mà duy trì nhân loại.

Ta có thể lập giản đồ như sau:

- DUY NHIÊN mâu thuẫn (âm dương, nam nữ, mạnh yếu)	-->	- DUY NHÂN kết hợp (thành gia đình, xã hội)
- DUY DÂN mâu thuẫn (Dân Tộc là nhiều quốc gia chúng tộc)	-->	- DUY NHÂN kết hợp (Nhân loại nhất tính – Trinh, Bình, Hoà)

Áp dụng trong phương trình ấy, ta thấy bước tiến của nhân loại một cách rành mạch:

- DUY NHIÊN: thiên nhiên (mâu thuẫn), mạnh hiếp yếu, cá lớn nuốt cá bé.

- DUY NHÂN: nhân loại sơ khai kết hợp để thành Xã Hội Tự Tính (Nhân Đạo Thành Lập).

- DUY DÂN: các dân tộc phát triển mà năng khiếu chống lẫn nhau (Nhân Đạo Tăng Tiến).

- DUY NHÂN: đến nay nhân loại giác ngộ, tùy theo năng khiếu mà phát triển để bồi bổ cho loài người, Duy Nhân chân lý là Trinh, Bình, Hoà (kết hợp) (Nhân Đạo Ổn Định).

Nhân loại do cực chất cấu thành, lúc ban đầu ít ỏi nên tụ họp với nhau mà thành xã hội. Đó là Xã Hội Tự Tính: Duy Nhân thành phần.

Sau vì sai biệt trên năng khiếu mà thành Duy Dân thành phần. Ngày nay nhờ cơ khí phát minh, sự giao thông thuận tiện, loài người tìm hiểu lẫn nhau mà trở về với Duy Nhân pháp: Trinh, Bình, Hoà.

Nhưng nhờ những tiến bộ và sự giác ngộ hoàn toàn do sự chỉ đạo của Duy Dân mà vẫn giữ được đặc tính Duy Dân của mình.

C. XÃ HỘI BIỆN CHỨNG PHÁP

Duy Dân chủ nghĩa chia làm ba thành phần suy diễn, cho nên Biện Chứng Pháp của Duy Dân cũng có 3 thành phần:

1. Phần Duy Nhiên

Phần Duy Nhiên là phần thiên nhiên. Luật tắc trong thiên nhiên gồm có:

- a. Đối lập thống nhất luật.
- b. Chất lượng hổ biến luật.
- c. Phủ định phủ định luật⁷.

⁷ Trong tài liệu "Chìa Khóa Thặng Nghĩa", đây là phần CƠ BẢN LUẬT TẮC.

(7a) *Đối lập Thống Nhất Luật*: Mọi sự vật đều có hai mặt mâu thuẫn và đối lập (âm dương, nam nữ, phải trái) nhưng luôn thống nhất chứ không tiêu hủy nhau. Không có đối lập thì không có vận động và tiến hóa, không có thống nhất đối lập thì không có sinh tồn và ổn định.

Mâu thuẫn Hủy diệt (theo Marx) là luật tắc của bất ổn định, của bệnh thái. Thống Nhất Đối Lập là luật tắc ổn định của thường thái.

(7b) *Chất Lượng Hổ Biến Luật*: Chất và Lượng là hai mặt đối lập mà thống nhất của hiện tượng xã hội. Chất và Lượng phải hổ tương biến đổi: Chất đổi, lượng đổi – Lượng đổi, chất đổi. Có lúc cần tác động vào lượng mới biến đổi được chất, có lúc lại

2. Phần Duy Nhân

Vào đến loài người, những luật tắc ấy sẽ bị biến hoá. Sự biến hoá của những luật tắc đó phải do lịch sử loài người chứng nghiệm. Cho nên muốn biết luật thiên nhiên đi vào loài người, tác động như thế nào **phải khảo sát lại lịch sử**. Cũng vì điều này mà Nhân Đạo không thể sớm định, phải đến lúc loài người kinh qua nhiều kinh nghiệm, loài người mới tin chắc ở sự chỉ đạo của mình. DUY DÂN ra đời không thể sớm hơn hay muộn hơn được.

Luật tắc Duy Nhân gồm có:

- a. Đạo Kỳ là Tự kỷ Nguyên nhân.
- b. Tinh thần và Vật chất là Hố tương Nguyên nhân.
- c. Vận động và Kết hợp là Hố tương Nguyên nhân.
- d. Bản vị và Cơ năng là Hố tương Nguyên nhân.
- e. Hố tương Nguyên nhân là Tự kỷ Nguyên nhân⁸.

cần tác động vào chất mới biến đổi được lượng. Trong thực tế, người ta không thể tìm thấy thuần túy chất hay thuần túy lượng. Chất và lượng thường hằng gắn bó, thường hằng tác động lẫn nhau.

(7c) *Phủ Định Phủ Định Luật*: Phủ định hoạt động trong một dòng những phủ định không ngừng. Dòng phủ định những phủ định này diễn tiến dưới tác dụng của luật tắc Thống Nhất Đối Lập và Chất Lượng Hố Biến làm cho mọi phủ định đều có tính tổng hợp và tiếp nối, vừa chứa chính cái nó phủ định, vừa mở ra cái sẽ phủ định nó. Luật Phủ định những Phủ định phản ánh trung thực dòng sinh mệnh tiến hóa không ngừng. Nó khác hẳn với luật "Phủ định của Phủ định" (của Marx) vì luật này chịu tác dụng của hai luật tắc "Mâu Thuẫn để Hủy Diệt" và "Lượng đổi Chất đổi theo" (của Marx). Chính tác động này làm cho sự "Phủ định của Phủ định" không thể mang tính tổng hợp, tiếp nối và tiến hóa. (ĐNHX)

⁸ Muốn nắm vững những luật tắc của phần Duy Nhân này, ta phải đọc kỹ 5 ĐẦU MỖI BẢN THỂ trong tập "Chìa Khóa Thăng Nghĩa".

(8a) *Chỉ có Đạo kỳ là Tự Kỷ Nguyên Nhân là Vô sai Biệt Phạm Trù*.

"Đạo Kỳ là trông về trước, ngoái về sau, đứng vào lập trường của loài người tìm con đường đạo. Nó khinh thị nhất nguyên với nhị nguyên, chân như với vô cực. Tự nó là không gian với thời gian trong cái khoáng trường và khai tịch của tri thức, của sống còn, của thiết thực và khoa học."

(8b) *Tinh Thần với Vật Chất là Hố Tương Nguyên Nhân*.

"Tinh Thần với Vật Chất, Nhiệt với Thành, Tâm với Vật, Thể với Dụng, Tính với Tình, Biết với Làm, Năng với Lực, Chất với Lượng... tất cả những tương đối phạm trù đó suy động lẫn nhau mà sinh ra Vận Động với Kết Hợp".

Đó là chân ý nghĩa của SINH MỆNH.

- Tinh Thần cần Đầy Đủ và Diệu Dụng.

- Vật Chất cần Bền Chặt và Linh Hoạt."

(8c) *Vận Động và Kết Hợp là Hố Tương Nguyên Nhân*.

"Suy động thành Vận Động; Vận Động thành nguyên nhân của Kết Hợp. Mục đích và

3. Phần Duy Dân

Cũng theo luật tắc của phần **Duy Nhân**, nhưng thêm vào những nhận xét:

- a. Toàn bộ Quan liên Nhận xét.
- b. Đối lập Thống nhất Nhận xét.
- c. Lưu biến Phát triển Nhận xét.
- d. Cụ thể Hoàn cảnh Nhận xét⁹.

kế hoạch của Vận động là Kết Hợp, vì vũ trụ không thể không có thương quý nên Sinh Mệnh không thể không có định hướng. Kết Hợp tức là Pháp Thể Hợp Tướng. Đã có kết hợp thì tất nhiên cái kết hợp đó phát sinh một Đối lập Thống nhất và Quân hành trạng thái để đi đến một Hướng Tâm Vận Động (SINH MỆNH CHỦ NGÃ) và một Hướng Thượng Vận Động (HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN), đồng thời từ cái Thể Vận Động đó phải Tự Kỳ Vận Động mà lại là Nguyên Nhân Vận Động. Đó là chân ý nghĩa của SINH HOẠT.

- Vận Động cần phải Chính Thường và Kinh Hằng.
- Kết Hợp cần phải Thích Tình, Đặc Vị, Tận Phần, Hợp Lý.

Khác với những cái đó là ngẫu nhiên, nghĩa là bệnh thái và phi thường thái. Không thể lấy bệnh thái và phi thường thái mà cho thường thái một luật tắc đặc biệt."

(8d) *Bản Vị với Cơ Năng là Hố Tương Nguyên Nhân.*

"Do Vận Động và Kết Hợp hố tương nguyên nhân mà sản sinh ra lẽ Bản Vị và Cơ Năng hố tương nguyên nhân. Từ Vận Động đi đến Kết Hợp, Kết Hợp sẽ đi đến Bản Vị Hợp Tướng tức là BẢN VỊ. Hình thành cái Bản Vị đó là những thành phần và bộ phận. Mỗi thành phần và bộ phận chịu chung cái Hướng Tâm xu thế mà mỗi đảm nhiệm có một tác dụng, nghĩa là thành một CƠ NĂNG. Bản Vị là nguyên nhân của Cơ Năng, đồng thời Cơ Năng lại là nguyên nhân của Bản Vị. Đó là chân ý nghĩa của SINH TỒN.

- Bản Vị cần phải Hiệp Điều và Thống Nhất.
- Cơ Năng cần phải Phân Công và Hợp Tác."

(8e) *Hố Tương Nguyên Nhân là Tự Kỳ Nguyên Nhân. Đó là chân ý nghĩa của ĐẠO KỶ.*

Ta thấy 5 đầu mối này là cả một dây chuỗi mắt xích có trình tự kết cấu thật chặt chẽ. Các đầu mối 2, 3, 4, 5 giúp ta hiểu rõ được ý nghĩa chân thực của đầu mối 1: Đạo Kỳ. Đạo Kỳ là đường đi của chính mình của tự mình, đường đi của một con người có trí tuệ biết tự giác, tự nguyện, tự chủ, tự động hoàn thành cái đạo sống của con người (NHÂN ĐẠO).

Con người là một sinh vật trong tự nhiên mà ra, nhưng con người là một sinh vật đặc thù biết nắm giữ những quy luật của tự nhiên. Tự Kỳ và Hố Tương vận động là nguyên nhân lẫn cho nhau. Nên chỉ con người mới chủ động đời sống của mình, lại còn có thể biến đổi và tạo mới các điều kiện sống để thăng tiến mà làm nên lịch sử, văn hóa của con người từ sơ khai đến văn minh hiện tại. (ĐNHX)

⁹ Trong "Chìa Khóa Thăng Nghĩa" đây là phần CƠ BẢN NHẬN THỨC.

(9a) *Đối Lập Thống Nhất Nhận Xét:* Mọi hiện tượng trong tự nhiên đều có hai mặt, hai mặt này tuy đối lập nhưng luôn thống nhất chứ không mâu thuẫn để hủy diệt.

(9b) *Lưu Biến Phát Triển Nhận Xét:* Mọi hiện tượng xã hội đều phát triển trong

Biện Chứng Pháp cũng tùy theo công việc, tùy theo Bản Vị mà vận dụng. Mỗi cơ thể khác biệt là một biện chứng pháp, vì trong thiên nhiên có vô cùng vật thể mà mỗi vật thể là một biện chứng pháp. Cho nên Biện Chứng Pháp thành ra vô cùng biện chứng pháp. Biện Chứng Pháp DUY DÂN thông suốt cả ba thành phần, trở nên rất màu nhiệm, không có một lý tắc nào đúng sự thật hơn.

Nhờ Biện Chứng Pháp đó, DUY DÂN đã tiên đoán được tất cả những biến chuyển trong thời gian từ 15 năm nay, từ ngày Đảng thành lập và từ nay về sau nữa.

D. BẢN VỊ HỌC THUYẾT

Vì DUY DÂN khảo sát lịch sử, phân tách rành mạch xã hội loài người, cho nên nhận thấy trong vô biên của thiên nhiên phải có mục tiêu nhất định. Những luật tắc của thiên nhiên là ưu thắng, liệt bại sẽ tùy theo từng cơ thể mà tác động, cho nên vào đến loài người phải sum họp mà giúp đỡ lẫn nhau. Do đó mà ra BẢN VỊ HỌC THUYẾT.

1. Nhân Loại Bản Vị

Nhân loại đối với thiên nhiên phải chống đỡ, phải giữ gìn, cho nên phải kết hợp thành xã hội mà chống đỡ. Do đó mà thành **Nhân Loại Bản Vị**. Trên Bản Vị đó, người nhất tính phải cố gắng tự duy trì lấy mình, dù là da trắng, da đen... Hiện nay sự chinh phục không gian cần đến khả năng toàn thể loài người, nên sự kết hợp thành Bản Vị duy nhất đã thấy chớm nở.

2. Dân Tộc Bản Vị

Mỗi dân tộc lại phải sống chết sần não với nhau mà giữ lấy sống còn cho nhau. Cho nên Dân Tộc cũng thành **Dân Tộc Bản Vị**. Trên mảnh đất từ bao đời, ông cha đã lấy mồ hôi nước mắt mà tô điểm, thì ngày nay con cháu cũng phải cố giữ gìn mà gom góp sức lực để duy trì lấy. Dân Tộc với dân tộc tranh đấu là một lầm lẩn trong quá khứ và hiện tại. Rồi đây với Duy Dân, cuộc Hưởng Tâm Cách Mạng sẽ định giá trị xâm lấn. Một dân tộc bị áp bức mà đứng dậy quật khởi là lẽ tự nhiên. Cho nên Duy Dân chủ trương võ lực để phá đế quốc, nhưng phá xong thì hoà, bằng hưởng tâm cách mạng chứ không theo đuổi chiến tranh mà đi xâm lấn.

dòng thời gian vô cùng, vô tận, luôn luôn biến đổi và rất sinh động.

(9c) *Toàn Bộ Quan Liên Nhận Xét*: Phải tránh lối nhìn cục bộ xé lẻ không tương quan đến toàn thể, mà mọi hiện tượng thường liên quan với nhau rất chặt chẽ.

(9d) *Cụ Thể Hoàn Cảnh Nhận Xét*: Nhận xét hoàn cảnh cụ thể từng hiện tượng.
(ĐNHX)

Ta lấy một thí dụ dễ hiểu: tuy người da trắng hay da đen ghét nhau, nhưng đứng trước cơn hổ muồn vồ người da đen, thì người da trắng cũng cứu. Đó là Nhân Loại Bản Vị, loài người cố duy trì lấy nhau.

Anh và tôi chúng ta ghét nhau, nhưng trước hoạ xâm lăng, chúng ta phải bỏ tư thù để cùng chung xương máu mà bảo vệ non sông. Đó là Dân Tộc Bản vị.

Do học thuyết đó, người dân phải bảo vệ lấy nước mình, nhưng mình phải tôn trọng người để cùng nhau tiến mà duy trì nhân loại, cùng nhau xây đắp cho nhân loại một văn minh tăng tiến, chứ không lấy cớ mình cần có không gian mà đi xâm chiếm người. Đó là cả một lộ tuyến của Duy Dân, tức Chính Sách Đồng Nhân.

Chỉ có Chính Sách Đồng Nhân mới khả dĩ duy trì được hoà bình vĩnh viễn cho Nhân loại và tránh được quốc tế cộng sản (Communisme), độc tài chủ nghĩa (Totalitarisme) và đế quốc chủ nghĩa (Imperialisme).

E. KIẾN THIẾT CỦA DUY DÂN

Chúng ta thấy những chủ nghĩa tiền bối chỉ có phần nhiều lý thuyết, và những phương án kiến thiết do người sau thêm vào thành ra vá vúi, không nhất quán, có khi thực hành sai biệt hẳn học thuyết. Duy Dân còn có những phương án nhất quán để kiến thiết con người hoàn toàn. Chính chỉ nam Nhân Chủ dưới đây là những phương sách để kiến thiết con người.

1. Tán Dục

Chữ *Tán Dục* do chữ “tham tán hoá dục”, nghĩa là nâng đỡ công sinh dưỡng của tạo hoá mà tài bồi để cho con người hưởng. Loài người đã làm mà không nghĩ đến chỗ là kiến trúc của mình bị thiên nhiên hạn chế nhiều, cho nên bình trị âm dương là điều cần thiết. Duy Dân phác qua những kinh nghiệm đời vua Vũ trị thủy, hay đời vua Chu bình trị âm dương để:

- a. Làm cho kinh tế độ giảm thành độ tăng.
- b. Điều hoà lại khí hậu.
- c. Cải tạo lại đất đai cho khỏi lam chướng.

Những chương trình sẽ sửa đổi hình thái thế giới, ảnh hưởng đến thế giới bằng cách thay đổi khí hậu và lớp khí quyển bọc quanh trái đất.

2. Kiến Chế

Sự phân bố lại cư trú cũng là một phương pháp. Từ xưa người ta đã theo:

duyên¹⁰ sơn, duyên giang, duyên hải. Ngày nay có phi cơ, người ta lại trở lại duyên sơn. Dân cư ở đồng bằng đông đúc cũng như dân cư thành phố, chúng ta phải làm thế nào cho đầu đầu khí hậu cũng giống nhau bằng tán dục để cho người nào cũng theo tỷ số ngang nhau. Phải như thế thì mới không sai khớp mà xã hội không chênh lệch quá mức.

Với phương cách Kiến Chế, sau này nông thôn sẽ tinh thành hoá và thành thị sẽ nông thôn hoá (kẻ xã chính sách¹¹). Các nhà máy cũng như tất cả các kỹ nghệ sẽ được xây dựng ở tất cả khắp mọi nơi, người ở sẽ thành thời không chui rúc. Nhờ chính sách này mà cơ hội, phân phối điều hoà cho nhân dân. Vấn đề giai cấp được giải quyết tận cội gốc, không còn chênh lệch nhau quá mức.

3. Cương Thường

Đây không phải là tam cương ngũ thường của nhà Nho. Cương thường là giếng mối ràng buộc người với người. Cương thường Duy Nhân gồm tam nhân:

a. Nhân Bản

Tất cả loài người cũng một tính chất, vậy loài người tự do bình đẳng ngang nhau, không có dân tộc này là thầy dân tộc khác. Một dân tộc tiến bộ phải giúp đỡ dân tộc khác tiến tới, không được đàn áp, bóc lột. Dù da đen, đỏ, trắng, vàng, loài người vẫn chỉ là một.

b. Nhân Tính

Con người có những tính giống nhau, ấy là xã hội tính, nhu yếu tính và sắc tính. Ba tính ấy tức: Hoà, Bình, Trinh giải quyết bằng nhân đạo, nhân sinh, nhân cách.

c. Nhân Chủ

Con người là tự do, bình đẳng, con người phải có xã hội mới tiến hoá. Vậy con người không thể rời bỏ xã hội. Đời sống xã hội của người, phải tự mình giác ngộ lấy cái phải mà làm, đừng để phải câu thúc. Nhân chủ là tự mình phải điều khiển lấy mình bằng chỉ đạo của mình. Cho nên với nền Nhân Chủ, dù loài người còn có chính phủ, nhưng theo tinh thần vô chính phủ. Nếu loài người đã Nhân-Chủ-hoá rồi, thì nhân loại sẽ không còn nhà tù nữa.

¹⁰ Nghĩa trong tài liệu: men theo (浴). (HVL)

¹¹ Chữ “kẻ”: một chữ Việt cổ, xuất hiện trong nhiều địa danh như: Kẻ Noi (Cổ Nhuế), Kẻ Mọc (Nhân Mục), Kẻ Cót (Yên Quyết), Kẻ Mấy (Mễ Trì)... chỉ một cộng đồng dân cư sống ở một nơi cụ thể. Chữ “kẻ” còn được dùng như chữ “làng”, đây là nghĩa trong tài liệu. Đọc thêm chú giải về “làng” trong tài liệu “Việt sử Thông luận”. (HVL)

4. Bộ Mệnh Hôn Nhân

Tức tục hát trống quân. Nhờ bộ mệnh hôn nhân mà:

- a. Sự giao thiệp giữa trai gái được bảo chướng.
- b. Đạo đức được bảo chướng.
- c. Sự tự do kết hôn được bảo chướng.
- d. Kết hôn không vì lợi mà vì cảm tình.
- e. Chữ Trinh được bảo đảm.

5. Tiểu Gia Đình

Tiểu Gia phải đả phá tông tộc chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa; nó là tế bào của quốc dân kiến trúc; nó là phối hợp thể đơn vị của nhân dân và công dân hoạt động. Quốc gia và thế giới phải lấy Tiểu Gia làm đơn vị Phân Mệnh (hôn nhân – trinh – dân luân), làm đơn vị Phân Công (dân ngạch), làm đơn vị Phân Lợi (bình sản)... Tiểu Gia Đình đã là tế bào của quốc dân, sinh hoạt quốc dân, văn hoá nhân loại, vận mệnh quốc gia đều quan hệ lớn ở sinh hoạt Tiểu Gia Đình.

6. Bình Sản Kinh Tế

Thế giới đã kinh nghiệm chế độ tư bản đưa đến tự do cạnh tranh, phá bỏ tiểu tư sản, vô sản hoá nhân loại, đưa một phần nhân loại làm tay sai cho thiểu số tư bản.

Thế giới lại được hiểu nếu tất cả tư bản gồm trong tay một thiểu số thì tự do sẽ mất mà xã hội lại trở thành xã hội phong kiến theo lối mới.

Vì thế Duy Dân chủ trương: người ta phải có tư sản mới có tự do, nhưng tư sản ấy không quá chừng làm cho người nọ có thể đè đầu cưỡi cổ người khác. Với Kiến Chế và Bình Sản Kinh Tế, thủy chuẩn hoá đời sống của nhân loại làm cho loài người không còn giai cấp.

7. Cơ Năng Hiến Pháp

Chính trị thi hành thời nay chỉ là thủ đoạn để một nhóm người cầm quyền chà đạp lên dân chúng. Duy Dân chủ trương Chính Trị Cơ Năng để điều hoà Nhân Tính, bình hành tổ chức cả chính trị, kinh tế, văn hoá để con người được kiến thiết toàn diện. Xã hội Âu Tây đã quá lợi dụng cơ khí mà thành ra chính trị vụ lợi, không chính đáng, chỉ trói buộc người. Chính trị Duy Dân là phụng sự người, kiến thiết con người, nâng đỡ giá trị con người.

8. Kiện Khang Giáo Pháp

Nền giáo dục Duy Dân sẽ chú trọng cả tinh thần và thể xác. Duy Dân đào tạo những con người óc sáng, tim trong, mình nhẹ, tay mạnh, thận vững.

Óc sáng: minh mẫn thông minh.
Tim trong: cảm tình dồi dào, trong sạch.
Mình nhẹ: nhanh nhẹn.
Tay mạnh: sức lực.
Thận vững: có sức, khoẻ mạnh, do tiết dục.

Cho nên người thanh niên cả về đạo đức, trí thức, tài năng, sức lực đều phải hơn người.

9. Sinh Hoạt Giáo Dục (để tạo Vận Hội)

Hiện tình dân chúng không được học hành. Những người nghèo không có tiền đi học mà những người đứng tuổi lại không tiện đi học, cho nên sinh hoạt giáo dục bồi bổ vào chỗ khuyết điểm đó.

"*Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư*"¹². Ở tất cả mọi nơi, người ta đều phải học, ai cũng là thầy, ai cũng là học trò. Đem giáo dục vào cuộc sống thực tiễn tạo nên cơ hội đồng đều trong học tập và làm việc để mọi người có thể tự làm chủ lấy vận mệnh của mình.

¹² (三人行必有我師): Trong ba người cùng đi, tất có người là thầy của ta. (Sách Luận ngữ, chương Thuật nhiên, Khổng tử). (HVL)

Chương 3

ÁP DỤNG CHỦ NGHĨA DUY DÂN VÀO VIỆT NAM

Duy Dân, để kiến thiết nhân loại, nhưng vì xuất phát từ người Việt, cho nên cần áp dụng để kiến thiết ở nước Việt đầu tiên.

Và chẳng những người Việt hiện tại đang chịu những bóc lột, đàn áp, điều linh nhất. Xã hội Việt Nam bị tan tác hoàn toàn, cho nên cải tạo lại được xã hội Việt Nam là tất cả cái mong muốn và cố gắng của chúng ta.

Nước Việt Nam đã và đang bị điều đứng vì đế quốc, cho nên học thuyết Bản Vị Duy Dân kích thích dân chúng Việt phải đứng dậy bằng vũ lực, xương máu, giết lấy quyền độc lập. Nhưng vũ lực Duy Dân có giới hạn ở chỗ giết lấy quyền của mình rồi thôi, chứ không xâm lăng, không trả thù. Hiện nay tất cả chủng tộc Đại Việt từ Miên, Lào, Thái, Phi đều bị hoạ xâm lăng, hoạ đế quốc và cộng sản đe dọa. Nhờ sự đồng bệnh mà nối kết dây tái kiến Bách Việt. Sự thành lập một Đại Nam Hải Cộng Hoà Liên Bang sẽ dễ dãi, trong chính sách Đồng Nhân Cùng Sống, Giúp Tiến, Liên Phòng của Duy Dân chủ nghĩa. Áp dụng vào vấn đề Việt sẽ:

1. Suy diễn lại lịch sử Bách Việt.
2. Lập lại sinh hoạt thể hệ cho dân.
3. Lập lại văn hoá thể hệ cho dân.
4. Làm cách mạng giải phóng toàn dân.
5. Lập lại Đại Nam Hải Liên Bang.

Tất cả những phương án, phương sách đã được dàn bày trong cuốn Đại Việt Duy Dân Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Phô.

Dưới đây chúng ta chỉ lược qua những tư tưởng chính.

1. Lịch Sử Bách Việt

Người Việt chúng ta và nòi Hán là những nòi giống cổ nhất Đông phương đã có từ mấy ngàn năm nay. Trong đời nguyên thủy, nòi Việt đã có một văn minh rực rỡ: văn minh Môn. Văn minh Môn đã cùng văn minh Hán và văn minh Ấn Độ soi tỏ trời Á.

Trong cuộc tranh chấp để chiếm đoạt được ngôi cửu ngũ ở Thái Sơn, người Việt đã chiếm được ba lần đầu. Vì thế, vua Việt là Thái Hoàng. Vì ghi lại cuộc chiếm được Thái Sơn nên người Thái còn lấy quốc hiệu là Thái Lan, có ý tái kiến lại Đại Thái năm 1942.

Sau này văn minh Việt càng ngày càng lu mờ trước sự tràn lan của văn minh Hán. Người Việt bị tan tác chạy tứ tung, một phần theo dãy núi Tây Tạng chạy sang Miến Điện, Ấn Độ ngày nay, tức là nòi Môn, tức pégouan; một phần xuống miền Nam tức là dân tộc Nam Dương, Mã Lai, Khmer; một phần toả ra Vân Nam rồi xuống Xiêm và Ai Lao, tức là người Thái, người Miên. Đó là kết quả lần thứ nhất người Việt bị linh lạc.

Đến lần thứ hai thì người Tiểu Lạc Việt xuống Dương Tử Giang, Năm Hồ, Năm Núi. Lần này thì người Việt biết không thể phục hưng ngay được nên dùng biểu hiệu để di truyền cho con cháu:

Người Việt nhuộm răng ăn trà để khỏi lẫn với người Hán. Người Việt chia trăm ngả để có thể duy trì sự sống còn: Dương Việt¹³, Âu Việt, Lạc Việt, Mân Việt từ đây mà phát xuất. Cũng từ việc này mà sinh ra truyện trăm trứng. (Truyện đó được hoang đường hoá bởi người Tàu. Người Tàu không muốn người Việt nhớ lại tổ tông). Biểu tượng Tiên Rồng, triết học nhị nguyên được truyền lại đời đời để nhớ nhau. Tục vẽ mình cũng bắt nguồn từ ý chí cố giữ vẹn nòi giống của người Việt. Nòi Việt tuy bị tan tác mà ở đâu đâu cũng cố gắng để tái lập Bách Việt.

- Người Môn đã lập nước Phù Nam (Founam)¹⁴.
- Người Thái đã lập đế quốc Thái.
- Người Khmer đã lập đế quốc Khmer.
- Người Việt đã chiếm suốt xứ Đông Dương.

Nhưng vì người Việt chưa nhất trí do tiền sử bị xao lãng tuy những biểu hiện vẫn còn, ngày nay trước tai hoạ của đế quốc, cộng sản, người Việt sẽ tái kiến đế lập Đại Nam Hải Liên Bang. Vận hội đã muốn Duy Dân thành tựu để kiến thiết Bách Việt mà xuất phát ở Tiểu Lạc Việt chúng ta. Vậy chúng ta phải gắng gỏi làm tròn sứ mạng.

¹³ Dương Việt (扬越): tên gọi chung người tộc Bách Việt vào thời nhà Thương (Trung quốc). Đến thời Xuân Thu, tên 陽越 (cũng đọc là Dương Việt) dùng chỉ một bộ tộc sống ở vùng Giang Tây. (HVL)

¹⁴ Phù Nam (扶南) là địa danh sử Trung quốc gọi tên vương quốc này, ngành sử học hiện đại không biết người Phù Nam gọi dân tộc và đất nước của họ là tên gì. Xứ sở của người Môn còn xác định ở U-Thong (phía Bắc Thái Lan) và Halin, Pegu (Pyu, Miến Điện). Theo M. Vickery, đa số người Phù Nam là người Môn thuộc chủng Austroasiatic, có liên hệ mật thiết với người Khmer [Michael Vickery, Deconstructing the ancients, Bulletin de L'école française d'Extrême-Orient, 2003, Volume 90, Numéro 90-91, pp. 101-143.]. (HVL)

2. Lập Sinh Hoạt Thể Hệ Cho Dân

Dân Việt không sống qui củ, lúc ăn, lúc ngủ, lúc làm không được chỉ định, vì thể mà tinh thần không tiến. Rồi đây, bằng Qui Lịch, người Việt sẽ có lịch của mình, tính theo tí ngọ tuyến của đất nước, không còn phải theo tây lịch hay âm lịch. Lúc đó, giờ ăn, ngủ của người Việt cũng được qui định cẩn thận, để cho dân chúng tăng tiến cả trí tuệ và sức khoẻ, ngõ hầu giống nòi được mạnh mẽ.

3. Lập Văn Hoá Thể Hệ Cho Dân

Văn hoá Môn của người Việt xưa kia rất cao độ, nhưng vì nòi giống linh lạc lại bị sức lan tràn của Khổng Giáo, cho nên bị lu mờ. Ngày nay ta lại mù quáng theo tây phương, cho nên đời sống nhân dân bị vất vưởng mà tư tưởng bị lệ thuộc.

Vì thờ Khổng Tử mà ta bị nòi Hán áp chế hơn 2.000 năm. Ngày nay, người Việt quyết phục hoạt lại văn hoá cũ của mình, bồi bổ thêm bằng văn hoá cổ kim đông tây để thành lập nền văn hoá Việt. Như thế người Việt mới cội gốc độc lập và mới mong thi thố với người ngoài. Bị lệ thuộc văn hoá là lệ thuộc tất cả, cho nên cái lo nghĩ xây đắp một nền quốc học là tất cả ưu tư của người Việt.

4. Làm Cách Mạng Để Giải Phóng Tất Cả Dân Tộc

Dân tộc vẫn còn dưới ách đế quốc. Vậy muốn kiến thiết được, người Việt phải lấy lại quyền tự chủ đã. Quyền tự chủ đó, người Việt phải bằng mồ hôi, nước mắt, máu đào mình mà lấy lại, không thể nhờ cậy ai được. Đó là tất cả mưu tính của Duy Dân.

Nhưng Cách Mạng Duy Dân là để giải phóng cả loài người, nên sẽ tránh hết thảy những sai lạc cũ, vì thế, Cách Mạng sẽ có tính chất sau:

a. Tính Vương Đạo

Duy Dân tuyệt đối không làm tiền. Tiền do các đảng viên tự cung cấp và tự giúp. Cấm ngặt những vụ tổng tiền cướp đoạt.

b. Lập Pháp

Cách mạng là phi pháp. Người cách mạng hay làm bừa. Duy Dân có một pháp luật rõ rệt. Tuy làm cách mạng mà người cách mạng không được quá một giới hạn.

c. Tự Động

Khi người Việt đã hiểu con đường sống còn của mình tất yếu tự ý làm cách mạng, lôi cuốn những người xung quanh mình, không cần phải người dìu dắt, thúc đẩy; cho nên đảng viên bất cứ nơi đâu, trong bất cứ trường hợp nào

cũng phát huy chủ nghĩa, không cần người lãnh đạo.

d. Giáo Dục

Cách mạng chủ ở sự giác ngộ, cho nên luyện người, trau dồi cho người là cần thiết.

e. Cơ Năng

Cách mạng sẽ bình hành thành lập các cơ quan văn hoá, tài chính, chính trị, tuyên truyền để được chắc chắn hành động cho đúng nhịp và đầy đủ.

f. Tự Giác

Cách mạng do những người đã cảm chiêu được những đau khổ của nhân loại, của dân tộc mà hy hiến đời sống của mình, không do tuyên truyền lừa bịp, phi lý viển vông.

g. Toàn Dân

Cách Mạng do toàn thể dân chúng Việt tự động, tự giác làm, không phải do một người, một nhóm người. Chỉ khi nào Duy Dân bao gồm được hết mọi người tiên tiến trong mọi ngành làm trung kiên, Duy Dân lấy được toàn dân, thì công việc mới phát xuất và thành lập được.

i. Toàn Diện

Duy Dân đã phá hết những nền móng cũ, hoàn toàn xây nền móng mới cho nhân đạo, lại dẫn dắt loài người càng ngày càng tăng tiến trên con đường đạo đức. Cho nên Duy Dân phải toàn diện, triệt để và hướng thượng.

k. Sáng Tạo

Duy Dân thành hình ở trong sáng tạo. Vì ở trong nước Việt hiện tại, thiếu sót cả vật liệu, cả tài chính, cả kỹ thuật, cho nên Duy Dân bồi bổ bằng óc sáng tạo vô biên của nòi giống. Duy Dân đưa ra phương châm giáo dục, để các cấp các nơi sáng tạo mà đối phó với tình thế. (Đọc thêm *Chu Tri Lục II: Chín Chỉ Thị Huấn Thoại...*)

5. Lập Lại Đại Nam Hải Liên Bang

Đối với các dân tộc nhỏ hơn mình, chúng ta phải tuyệt đối tuân theo dân tộc nguyên tắc, tôn trọng sự sống, còn, nổi, tiến, hoá, và văn minh của họ cũng như ta. Chúng ta phải kiên quyết đề ra cái chính sách "đồng đẳng, hợp tác, liên phòng, cùng sống và giúp tiến". Chúng ta đã được thể nghiệm lịch sử 4.000 năm tranh lấy sống, còn, nổi, tiến, hoá và tổ hồn; lại được thể nghiệm cả hai cuộc thế giới chiến tranh rồi. Những bài học đó, chúng ta phải tiếp thu lấy những chỉ bảo và kinh nghiệm. Chúng ta không quên những đau đớn của chúng ta mà cởi mở hết những đau đớn của người khác.

"Lại hình thế đã qui định cho chúng ta một cuộc tập hợp an toàn, cho đến cả một cuộc tập đoàn cách mạng chung của tất cả các dân tộc nhỏ yếu ở viễn

đông này thành một Đại Nam Hải Liên Bang. Đó là điều tất yếu cho tự ta và các giống nòi cùng số phận với ta, đều muốn được có ánh sáng của sống còn và tiến hoá. Đây là con đường chung của mọi dân tộc nhỏ yếu khác nữa” (Trích “Tuyên Ngôn Thành Lập Tổng Đảng Bộ”).

Chương 4

BỐN GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG DUY DÂN

Cách Mạng là phương án cần thiết được thiết thi một cách đầy đủ để đi đến kết quả là giải phóng dân tộc. Cách Mạng chia ra làm 4 giai đoạn:

- Tỉnh Viên thời kỳ: Thiết lập tổ chức thành đoàn thể, bí mật huấn luyện, bí mật tổ chức, gom góp những vật liệu tuyên truyền.

- Chuẩn Động Viên thời kỳ: Vẫn thu góp vật liệu và đảng viên củng cố lấy những nhân tài để ổn định tình thế sau này. Những nhân tài, vật liệu phân phối tới những địa điểm cần thiết. Cần thu góp tài chính, thóc gạo, vải vóc, vũ khí...

- Động Viên thời kỳ: Thi hành chính sách quân chính, vũ lực động viên, vũ lực chiến đấu. Các đảng viên đều quân sự hoá, chiếm lĩnh hành chính. Sửa soạn để kiến thiết nhân lực, vật lực, tài lực.

- Phục Viên thời kỳ: Kiến thiết quốc gia theo chương trình Duy Dân. Sau khi kiến thiết thành lập quốc hội, trao trả quyền cho quốc hội, đảng làm tròn sứ mệnh, sẽ giải tán.

*

Dưới đây nêu ra một số nguyên tắc để hướng dẫn việc Chiếm Lĩnh Hành Chánh và thi hành chính sách của đảng trong thời kỳ Động Viên.

A. CHIẾM LĨNH HÀNH CHÍNH

Khi nhận được lệnh trên, khi các nhân, vật, lực đã tự đủ:

1. Nhân lực (người đã đủ để lập)

- a. Tuyên truyền xung phong.
- b. Chiếm lĩnh hành chính.
- c. Quân sự chiếm lĩnh.

- d. Cán bộ huấn luyện.
- e. Cơ quan kinh tế.

2. Vật lực

- a. Vũ khí, đạn dược.
- b. Lương thực, thực phẩm.
- c. Giấy, máy chữ, máy in...
- d. Tài chính.

3. Vận động quần chúng

Khi khởi phong trào quần chúng để chiếm lĩnh hành chính phải có quần chúng.

1. Duy Dân chủ trương lấy toàn dân làm nòng cốt cách mạng.
2. Không ai dám bán quần chúng.
3. Đặc điểm Cách Mạng bao giờ cũng ở quần chúng tự động lấy giáo, gậy ra đánh giặc.

Muốn lấy được quần chúng cần:

- Lấy được lòng dân.
- Thuần được những người có uy tín với dân.
- Tìm được những khẩu hiệu hợp với lòng dân.
- Có người vận động quần chúng giỏi.

Ban chỉ huy bí mật phải liên lạc chặt chẽ với cán bộ. Hành động phải mau lẹ mà thay đổi chiến lược. Phải kiên quyết thi hành lệnh đến cùng. Khi nắm được chính quyền ở một nơi nào thì triệu tập ngay bộ lão, những người có thể lực ở địa phương, để trong 24 giờ thành lập được Bản Hồ Ước. Bản Hồ Ước ấy căn cứ ở nhân dân sẽ là pháp luật tạm thời để thưởng công, trị tội cho có mục tiêu, qui củ, khỏi rơi vào xằng bậy, việc trả thù cá nhân.

+ Đảng sẽ ước với dân:

- Giữ an ninh trật tự cho dân.
- Kiến thiết đời sống cho dân.

+ Dân sẽ ước với đảng:

- Phục tùng đảng và những cán bộ của đảng
- Tuân theo những luật pháp đã định trong hồ ước.

Bản Hồ Ước sẽ giúp tránh được hết những đòi bại, những tai ách cho dân.

Trong 6 tháng đầu, dân chúng thi hành hồ ước. Sau đó, khi chiếm lĩnh xong toàn quốc, đảng sẽ triệu tập quốc hội. Đảng sẽ trao trả quyền cho quốc hội, chỉ đưa dự án kiến thiết quốc gia ra để tùy quốc hội định liệu.

B. CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG

1. Đối Ngoại

a. Tuyệt đối không thoả hiệp với địch. Địch sẽ là những người nước ngoài vào đây xâm chiếm và đàn áp dân tộc Việt.

b. Vinh quang trung lập với tất cả các nước. Bất cứ nước nào không xâm chiếm nước nòi Việt thì là bạn, không cần biết nội trị của các nước, chỉ cần thái độ của nước đó đối với nước Việt mà thôi.

c. Đối với các nước nhược tiểu, đảng cố gắng bó để lập mặt trận nhược tiểu, giúp nhau cùng tiến bước, liên phòng trao đổi văn hoá, kinh tế.

d. Đảng không có ngoại giao, chỉ có Chuẩn Quốc phòng Ngoại giao, vì ngoại giao không có chủ quyền là ngoại giao ăn xin. Đảng không chủ trương ngoại giao vì quốc gia chưa có được quyền tự chủ, nhưng đảng chủ trương chuẩn quốc phòng ngoại giao để trung lập hoá những nước ngoài đối với nước Việt.

2. Đối Nội

a. Đối với tất cả các đảng, cố sức kiến giải bằng đường lối chính trị hơn là đảng tranh. Các đảng còn tự phụ làm được việc quốc gia thì xin nhường bước, các đảng khủng bố thì Duy Dân xin chịu không trả thù.

b. Toàn dân đoàn kết.

c. Đảng lấy cả 100% dân.

d. Tuyệt đối để dân chúng tự do tín ngưỡng, miễn là các đạo giáo trung lập với quốc gia.

e. Chủ trương Đảng Chiến, không Đảng Tranh. Trong một thời kỳ mà các đảng thoả hiệp với địch, đảng sẽ dùng vũ lực và đầu óc đấu tranh để giành độc lập vinh quang cho tổ quốc.

Đảng mong rằng một văn hoá quốc đoàn và một mặt trận triết học quốc gia có thể kiến giải các đảng phái bằng học hỏi của mình để tránh nôi da xáo thịt.

Thái Dịch Lý Đông A

4822 TV (1943)

Ghi Chú:

- Học Hội Thăng Nghĩa hiệu đính, trình bày và ấn hành bản in điện tử tháng 8 năm 2017.
- Phần chú giải do Đồng Nhân Học Xã (ĐNHX) và Huỳnh Việt Lang (HVL) trách nhiệm biên tập.